

## KIẾN THỨC TRỌNG TÂM MÔN NGỮ VĂN 6

### TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ TIẾNG VIỆT

#### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

##### 1. Khái niệm “Từ là gì?”

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.

##### 2. Chức năng của từ

-Chức năng định danh: từ được dùng để gọi tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm, hành động, tiến trình, đặc điểm, tính chất có trong thế giới khách quan và chủ quan.

-Chức năng biểu niệm: từ vừa chỉ sự vật trong thực tế vừa biểu thị khái niệm.

-Chức năng biểu cảm: từ biểu thị thái độ, tình cảm của người nói đối với sự vật, đối tượng trong đời sống, trong xã hội.

-Chức năng biểu thị quan hệ: từ còn biểu thị quan hệ trong cụm từ, câu.

-Chức năng tạo câu: từ được tổ chức theo những quy tắc nhất định của một ngôn ngữ để thông báo.

##### 3. Phân loại từ

- *Từ đơn*: là từ chỉ gồm một tiếng.

- *Từ phức*: là từ gồm hai hoặc nhiều tiếng.

+ Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là *từ ghép* (*từ ghép chính phụ* và *từ ghép đẳng lập*).

+ Những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là *từ láy* (*từ láy toàn bộ* và *từ láy bộ phận*).

#### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

*Câu 1*: Hãy xác định từ đơn, từ láy và từ ghép trong đoạn văn sau:

*Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân...* (Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh).

*Câu 2*: Hãy điền các tiếng láy vào trước hoặc sau các tiếng gốc để tạo từ láy:

...ló; ...nhỏ; ...khác; ...thấp; ...chéch; ...ách.

*Câu 3*: Xếp các từ ghép sau thành hai loại từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập:

*Suy nghĩ; lâu đời; nhà máy; xanh ngắt; chài lưới; cây cỏ; ẩm ướt; cười nụ; nhà ăn; đầu đuôi.*

-----

**PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

**I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

Tùy theo mục đích giao tiếp cụ thể mà người ta sử dụng các kiểu văn bản với các phương thức biểu đạt phù hợp. Có sáu kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng sau:

STT	Kiểu văn bản, phương thức biểu đạt	Mục đích giao tiếp
01	Tự sự	Trình bày diễn biến sự việc.
02	Miêu tả	Tái hiện trạng thái sự vật, con người.
03	Biểu cảm	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
04	Nghị luận	Nêu ý kiến đánh giá, bàn luận.
05	Thuyết minh	Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp.
06	Hành chính-công vụ	Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người.

**II. BÀI TẬP VẬN DỤNG**

Hãy xác định phương thức biểu đạt chính trong các văn bản sau:

**VĂN BẢN 01:**

*“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn”.*

(Trích “Bài học đường đời đầu tiên” – Tô Hoài)

**VĂN BẢN 02:**

*“Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lênướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai và mười hai tháng sau sinh ra một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô”.*

(Trích truyện thuyết “Thánh Gióng”)

**VĂN BẢN 03:**

*Mẹ có nghĩa là duy nhất*

*Một bầu trời, một mặt đất, một vầng trăng*

Mẹ không sống đủ trăm năm  
Nhưng đã cho con dư dả nụ cười tiếng hát  
Mẹ có nghĩa là ánh sáng  
Một ngọn đèn thắp bằng máu con tim  
Mẹ có nghĩa là mãi mãi  
Là cho đi không đòi lại bao giờ...  
(Trích “Ngày xưa có mẹ” - Thanh Nguyên)

---

## TỪ MƯỢN

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### 1. Khái niệm “Từ thuần Việt” và “Từ mượn”

- *Từ thuần Việt* là những từ do nhân ta sáng tạo ra.
- *Từ mượn* là những từ chúng ta vay mượn từ của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm...mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.

#### 2. Một số lưu ý

- Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán (bao gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt).
- Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.
- Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để tạo từ ghép. (Ví dụ: cổ đại; cổ kính; cổ thụ; cổ thi; cổ truyền; khảo cổ;...)

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

*Câu 1:* Tìm những từ ghép Hán Việt có chứa các yếu tố Hán Việt: *gia; hùng; cần; chúng; chiến; nhân, thủy.*

*Câu 2:* Xếp các từ ghép *hữu ích; thi nhân; đại thắng; phát thanh; bảo mật; tân binh* vào nhóm thích hợp:

- a/ Từ có yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau;
  - b/ Từ có yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau.
-

## NGHĨA CỦA TỪ

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### 1. Khái niệm

Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ,...) mà từ biểu thị.

#### 2. Cách giải thích nghĩa của từ

- Cách 1: Trình bày khái niệm mà từ biểu thị.
- Cách 2: Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

*Câu 1:* Giải thích nghĩa các từ sau:

- Hèn nhát
- Nao núng
- Rung rinh
- Gia tài
- Cam đoan

*Câu 2:* Hãy tìm và điền các từ vào chỗ trống trong những câu sau đây sao cho phù hợp:

a/ ...: Học và luyện tập để có hiểu biết, có kỹ năng.

b/ ...: Tìm tòi, hỏi han để học tập.

c/ ...: Ở vị trí chuyển tiếp hoặc nối liền giữa hai bộ phận, hai giai đoạn, hai sự vật,...

-----

## TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### 1. Từ nhiều nghĩa

- Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa.
- Thông thường, trong câu, từ chỉ có một nghĩa nhất định. Tuy nhiên trong một số trường hợp, từ có thể được hiểu đồng thời theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển.

#### 2. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ

- Chuyển nghĩa là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa.
- Trong từ nhiều nghĩa có:
  - + Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện từ đầu, là cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
  - + Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

*Câu 1:* Hãy tìm năm từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng.

Câu 2: Hãy xác định nghĩa của từ “xuân” trong các câu sau và cho biết từ “xuân” được hiểu theo nghĩa nào?

- a/ Mùa xuân là tết trồng cây,  
Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.
- b/ Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,  
Mảnh tình san sẻ tí con con.
- c/ Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ,  
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

## CHỮA LỖI DỪNG TỪ

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### 1. Một số lỗi dùng từ thường gặp

- Lỗi lặp từ.
- Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.
- Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

#### 2. Yêu cầu của việc sử dụng từ ngữ trong văn bản

- Dùng từ phải đúng với âm thanh và đúng nghĩa:
  - + Đúng âm: từ gồm hai mặt âm thanh và ý nghĩa, vì vậy khi sử dụng từ phải đúng âm thanh của từ và nghĩa của nó trong câu.
  - + Đúng nghĩa: có nghĩa là dùng từ đó phù hợp với nội dung diễn đạt trong câu đó.
- Dùng từ phải đúng đặc điểm ngữ pháp của chúng: đối với tiếng Việt, đặc điểm ngữ pháp của từ thể hiện qua khả năng kết hợp của chúng. Từ nào kết hợp được với từ nào để tạo thành cụm từ, thành câu là đúng khả năng kết hợp của nó.
- Dùng từ phải phù hợp với phong cách chức năng: ngôn ngữ được sử dụng bao giờ cũng thuộc một phong cách nhất định. Mỗi phong cách chức năng có những yêu cầu riêng về việc sử dụng từ ngữ.

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

Câu 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống

a/ băng khuâng; băn khoăn

...: không yên lòng vì những điều phải suy nghĩ, lo liệu.

b/ khinh khỉnh; khinh bạc

...: tỏ ra kiêu ngạo và lạnh nhạt, ra vẻ không thèm để ý đến người đang tiếp xúc với mình.

Câu 2: Phát hiện và chữa lỗi dùng từ trong các câu sau:

a/ Nghe tiếng xe máy ngoài cổng, nó khấp khểnh vui mừng.

b/ Anh ấy là người rất kiên cố.

c/ Cô giáo đưa ra ba bài tập nó làm hết ba bài tập.

d/ Bạn Nam rất ngang tàn.

---

## DANH TỪ

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### 1. Khái niệm

Danh từ là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm,...

#### 2. Đặc điểm

Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ **này, ấy, đó**,... ở phía sau và một số từ ngữ khác để lập thành cụm danh từ.

#### 3. Chức vụ

Chức vụ điển hình trong câu của danh từ là chủ ngữ. Khi làm vị ngữ, danh từ cần có từ **là** đứng trước.

#### 4. Phân loại

Danh từ tiếng Việt được chia thành hai loại lớn:

- Danh từ chỉ đơn vị.
- Danh từ chỉ sự vật.

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

*Câu 1:* Hãy liệt kê một số danh từ chỉ đơn vị và danh từ chỉ sự vật mà em biết. Đặt câu với một trong các danh từ ấy.

*Câu 2:* Gạch chân danh từ trong các câu sau:

a/ *Mã Lương vẽ một con cò trắng không mắt.*

b/ *Năm ông thầy bói ngồi tán gẫu với nhau.*

c/ *Quả dưa gang trong vàng ngoài trắng,*

*Quả mướp đắng trong trắng ngoài xanh.*

d/ *Muốn hỏi con gái ta, phải về sắm đủ một chĩnh vàng, mười tám tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm hãy đem sang đây.*

**DANH TỪ VÀ CỤM DANH TỪ**

**I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Danh từ:**

- Khái niệm: Danh từ là những từ chỉ người, vật, khái niệm, hiện tượng...
- Chức vụ điển hình: làm chủ ngữ, khi làm vị ngữ, danh từ cần có từ là đứng trước.
- Phân loại: gồm hai loại:
  - + Danh từ chỉ sự vật: gồm danh từ chung và danh từ riêng.
  - + Danh từ chỉ đơn vị: gồm hai nhóm là danh từ chỉ đơn vị tự nhiên và danh từ chỉ đơn vị quy ước.

**2. Cụm danh từ**

- Khái niệm: Cụm danh từ là loại tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- Cấu tạo: gồm ba phần, phần trước, phần trung tâm và phần sau.

Theo mô hình sau :

Phần trước		Phần trung tâm		Phần sau	
t2	t1	T1	T2	s1	s2
<i>tất cả</i>	<i>những</i>	<i>em</i>	<i>học sinh</i>	<i>chăm ngoan</i>	<i>ấy</i>

- Phần phụ trước có hai loại: chỉ đơn vị ước chừng (*cả,...*) và chỉ đơn vị chính xác (*ba, chín,...*).
- Phần phụ sau có hai loại: nêu lên đặc điểm của sự vật (*nếp, đực, sau,...*) và xác định vị trí của sự vật trong không gian hay thời gian (*ấy,...*)
- Phần trung tâm của cụm thường gồm hai từ:
  - + T1 là trung tâm chỉ đơn vị tính toán hoặc chung loại khái quát.
  - + T2 là trung tâm chỉ đối tượng được đem ra tính toán, đối tượng cụ thể.

**II. BÀI TẬP VẬN DỤNG**

**Bài 1:** Cho đoạn trích sau đây : "*Người ta kể lại rằng, ngày xưa có một em bé rất thông minh tên là Mã Lương. Em thích học vẽ từ nhỏ. Cha mẹ em đều mất sớm, Em chặt củi, cắt cỏ, kiếm ăn qua ngày, nhưng vẫn nghèo đến nỗi không có tiền mua bút... Em dốc lòng học vẽ, hàng ngày chăm chỉ luyện tập. Khi kiếm củi trên núi, em lấy que củi vạch xuống đất, vẽ những con*

*chim đang bay trên đỉnh đầu.*

*Lúc cắt cỏ ven sông, em nhúng tay xuống nước rồi vẽ tôm cá trên đá. Khi về nhà, em vẽ các đồ đạc trong nhà lên tường, bốn bức tường dày đặc các hình vẽ".*

(Trích Cây bút thần)

- Tìm các danh từ có trong đoạn văn trên.
- Trong đoạn văn trên có những từ nào là danh từ chỉ đơn vị ?

**Bài 2:** Cho đoạn trích sau đây :

*"Nhưng con giun xéo lắm cũng quăn, chuột ta lấy thế làm giận. Một hôm, mới hội cả nhau lại làm một làng chuột để chống lại mèo. Thôi thì đủ mặt: nào anh Chù, mùi hôi đến nỗi thành câu ca; nào chú Nhắt, có tính nhí nhắt đã nên câu ví; nào lại ông Cống, rung rinh béo tốt, quan trường lại chắm cho ở trên ông Đồ..."*

- Tìm các danh từ trong đoạn văn trên.
- Trong các danh từ đã tìm được, những danh từ nào là danh từ riêng ? Vì sao ?

**Bài 3:**

- Đặt các cụm danh từ có trung tâm là những danh từ sau đây : *nhân dân, mèo, đồng bào, xe, nước, bàn ghế.*
- Nhận xét về sự khác nhau giữa các phụ ngữ trước và sau trong các cụm danh từ vừa đặt.

## SỐ TỪ VÀ LƯỢNG TỪ

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

#### 1. Số từ

- Khái niệm: Số từ là từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.
- Vị trí: Khi biểu thị số lượng. Số từ đứng trước danh từ; khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ.

#### 2. Lượng từ

- Khái niệm: Lượng từ là từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.
- Phân loại: lượng từ chỉ toàn thể; lượng từ chỉ tập hợp hay phân phối.

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Bài 1:** Tìm số từ trong bài thơ sau. Xác định ý nghĩa của những số từ ấy.

*Không ngủ được*

Một canh... hai canh... lại ba canh

Trần trọc bần khoăn, giắc chẳng thành;



Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.  
(Hồ Chí Minh)

**Bài 2:** Qua hai ví dụ sau, em thấy nghĩa của các từ từng và mỗi có gì khác nhau?

- Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi [...].*
- Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi cùng các tướng rút lui mỗi người một ngã.*

## CHỈ TỪ

### I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

**1. Khái niệm:** Chỉ từ là những từ dùng để chỉ trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật trong không gian hoặc thời gian.

#### 2. Hoạt động của chỉ từ

- Thường làm phụ ngữ trong cụm danh từ.
- Có thể làm chủ ngữ hoặc trạng ngữ.

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Bài 1:** Tìm chỉ từ trong câu sau

Đấy vàng **đấy** cũng đồng đen

Đấy hoa thiên lý, **đấy** sen nhị hồ

(Ca dao)

## ĐỘNG TỪ VÀ CỤM ĐỘNG TỪ

### I. ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỘNG TỪ

#### 1. Động từ

- Khái niệm: động từ là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật. Động từ thường kết hợp với các từ *đã, đang, sẽ, vẫn, cũng...* để tạo thành cụm động từ.

- Chức vụ điển hình: làm vị ngữ.

- Phân loại: gồm hai loại

+ Động từ chỉ hoạt động, trạng thái,

+ Động từ tình thái.

#### 2. Cụm động từ

- Khái niệm: **Cụm động từ** được tạo thành từ động từ kết hợp với một số từ liên quan khác. Có một số động từ cần có các từ khác đi kèm mới trọn vẹn nghĩa.

#### - Cấu tạo cụm động từ

Theo mô hình sau :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<i>vẫn / cũng/ còn / sẽ,,</i>	chạy	xa lắm

+ Phần trước: có chức năng bổ nghĩa cho phần trung tâm, với các nghĩa như sự việc tiếp diễn, ngăn cản hoặc khuyến khích.

+ Phần trung tâm

+ Phần sau: bổ ngữ cho động từ chính trong cụm động từ về địa điểm, thời gian, nguyên nhân, mục đích,...

### II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Bài 1:** Tìm danh từ, động từ trong các câu sau:

*Trên nương, mỗi người một việc, người lớn thì đánh trâu ra cày. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy chú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm. Các bà mẹ cúi lom khom tra ngô.*

**Bài 2:**

a) Tìm các cụm động từ trong những câu sau :

- *Người con trưởng theo Âu Cơ được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu; đặt tên nước là Văn Lang.*

## Trường THCS & THPT Lê Lợi

(Con Rồng cháu Tiên)

- Càng ngắm nghĩ, chàng càng thấy lời thần nói đúng.

(Bánh chưng, bánh giầy)

- Éch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

(Éch ngồi đáy giếng)

b) Điền các cụm động từ đã tìm được vào mô hình cụm động từ.

## TÍNH TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ

### I. HỆ THỐNG KIẾN THỨC

#### 1. Tính từ

- Khái niệm: Tính từ là những từ có ý nghĩa khái quát chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái. Tính từ có khả năng kết hợp với *đã, đang, đang, sẽ, rất, cực kì, lắm, quá,...* và thường làm vị ngữ trong câu hoặc phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ.

- Phân loại: tính từ chỉ đặc điểm tương đối và tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối.

- Chức vụ: Tính từ có thể làm vị ngữ, chủ ngữ trong câu. Tuy vậy khả năng làm vị ngữ của tính từ hạn chế hơn động từ.

- Cũng giống như danh từ và cụm động từ, khi sử dụng tính từ thường kết hợp với những từ khác tạo thành cụm tính từ.

#### 2. Cụm tính từ

- Khái niệm: Cụm tính từ là tổ hợp từ do tính từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

- Hoạt động: Không phải tính từ nào cũng có thể kết hợp với các từ ngữ phụ để tạo thành cụm tính từ. Các tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối không kết hợp với từ ngữ phụ để thành cụm tính từ. Các tính từ chỉ đặc điểm tương đối thường kết hợp với các từ ngữ phụ để tạo thành cụm tính từ.

- Cấu tạo của cụm tính từ

Theo mô hình sau :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<i>vẫn / cứ/ còn / sẽ...</i>	<i>đẹp</i>	<i>hơn cô tiên</i>

- Phụ ngữ đứng trước là các phụ từ biểu thị:

+ Quan hệ thời gian như: *đủ, sẽ, đang,...*;

+ Sự tiếp diễn tương tự như: *cũng, cùng, vẫn, cứ,...*;

+ Chỉ mức độ như: *rất, hơi, khi, khá,...*

- Phụ ngữ đứng sau có cấu tạo phức tạp giống như cụm động từ.

## II. BÀI TẬP VẬN DỤNG

**Bài 1:** Hãy tìm các tính từ (cụm tính từ) trong phần trích sau và cho biết tính từ (cụm tính từ) ấy giữ chức vụ ngữ pháp gì.

Hàng ngày nó cất tiếng kêu òm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời trên đầu chỉ bé bằng chiếc vung và nó thì oai như một vị chúa tể.

[...] Quen thói cũ, ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu òm ộp. Nó nhâng nháo đưa cặp mắt nhìn lên bầu trời, chẳng thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

(Ếch ngồi đáy giếng)

**Bài 2:** Tìm các cụm tính từ trong các câu sau :

a) Bây giờ ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.

(Con Rồng cháu Tiên)

b) Đến kì sinh, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng ; trăm trứng nở ra một trăm người con hồng hào, đẹp đẽ lạ thường..

(Con Rồng cháu Tiên)

c) Còn chàng, từ khi lớn lên, ra ở riêng chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai...

(Bánh chưng, bánh giầy)

d) Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo.

(Bánh chưng, bánh giầy)

đ) Vua vẽ một thỏi vàng, thấy còn nhỏ quá, lại vẽ một thỏi thứ hai lớn hơn.

(Cây bút thần)

e) Biển rộng mênh mông, xanh biếc, không một gợn sóng, trong suốt như mặt gương soi.

(Cây bút thần)

3. Xác định các cụm động từ, cụm tính từ trong các cụm từ sau đây :

- vô cùng ngạc nhiên
- hết sức sững sốt
- khôì ngô tuấn tú vô cùng
- tung bùng nhất kinh kì
- khiếp sợ vô cùng